

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

BẬC: Đại học

KHOA: Hóa học (ban hành kèm theo Quyết định số 575/QĐ-ĐT ngày 6/6/2017 của Hiệu trưởng Trường ĐHSP-ĐHĐN)

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

HỆ : Chính quy tập trung

KHÓA 2018

NGÀNH ĐÀO TẠO : Sư phạm Hóa học (4 năm)

TT	Mã học phần	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ			Học phần h.trước/t.quyết	Khoa Giảng dạy
			TC	LT	TH		
		KHỐI KIẾN THỨC CHUNG					
1	212 2 1512	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin (1)	2	2	0		
2	213 3 1513	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin (2)	3	3	0	212 2 1512	
3	213 2 1922	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0	213 3 1513	
4	212 3 1225	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	3	0	213 2 1922	
5	312 2 1885	Tin học đại cương (Tin học CN1)	2	1	1		
6	412 3 1858	Tiếng Anh A2.1	3	3	0		
7	412 4 1859	Tiếng Anh A2.2	4	4	0	412 3 1858*	
8	316 2 1549	Pháp luật đại cương	2	2	0	212 2 1512	
9	001 0 1265	Giáo dục thể chất 1	(1)	(0)	(1)		
10	001 0 1266	Giáo dục thể chất 2	(1)	(0)	(1)		
11	001 0 1267	Giáo dục thể chất 3	(1)	(0)	(1)		
12	001 0 1268	Giáo dục thể chất 4	(1)	(0)	(1)		
13	001 0 1269	Giáo dục thể chất 5	(1)	(0)	(1)		
14	002 0 1264	Giáo dục quốc phòng	(4t)				
		TỔNG SỐ TÍN CHỈ CỦA KHỐI	21	20	1		
		KHỐI KIẾN THỨC CƠ SỞ VÀ NGÀNH					
15	311 2 1614	Phương trình vi phân - sai phân	2	2	0		
16	311 3 1250	Giải tích thực và Đại số tuyến tính	3	3	0		
17	313 2 1979	Vật lý đại cương 1	2	2	0		
18	313 3 1980	Vật lý đại cương 2	3	3	0		
19	315 3 1678	Sinh học đại cương	3	3	0		
20	314 2 1869	Tiếng Anh chuyên ngành Hóa	2	2	0	412 4 1859	
21	314 4 1299	Hóa đại cương	4	4	0		
22	314 2 1797	Thực hành hóa đại cương	2	0	2		
23	314 2 1085	Cơ sở lý thuyết hóa vô cơ	2	2	0		
24	314 4 1318	Hóa vô cơ	4	4	0	314 4 1299	
25	314 2 1804	Thực hành hóa vô cơ	2	0	2		
26	314 2 1309	Hóa học tinh thể và phức chất	2	2	0	314 4 1318	
27	314 2 1084	Cơ sở lý thuyết hoá hữu cơ	2	2	0	314 4 1299	
28	314 4 1324	Hydrocacbon và dẫn xuất hydrocacbon	4	4	0	314 2 1804	
29	314 2 1035	Các hợp chất tạp chức và cao phân tử	2	2	0	314 4 1324	
30	314 2 1798	Thực hành hóa hữu cơ	2	0	2	314 4 1324	
31	314 4 1315	Hóa phân tích	4	4	0	314 4 1299	
32	314 2 1801	Thực hành hóa phân tích	2	0	2		
33	314 2 1040	Các phương pháp phân tích công cụ	2	2	0	314 4 1315	
34	314 1 1808	Thực hành phân tích công cụ	1	0	1		
35	314 4 1511	Nhiệt và động hóa học	4	4	0	314 4 1299	
36	314 2 1196	Điện hóa học	2	2	0	314 4 1299	
37	314 3 1312	Hóa lượng tử	3	3	0	314 4 1299	
38	314 2 1799	Thực hành hóa lí	2	0	2	314 4 1511	
		TỔNG SỐ TÍN CHỈ CỦA KHỐI	61	50	11		
		KHỐI KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH HOẶC NGHIỆP VỤ					
39	320 2 1641	Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục đào tạo	2	2	0		
40	320 4 1719	Tâm lý học giáo dục	4	4	0		
41	320 3 1255	Giáo dục học	3	3	0		
42	320 2 1820	Thực hành tâm lý giáo dục	2	0	2		
43	314 2 1595	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học giáo dục Hóa học	2	2	0		
44	320 2 1273	Giao tiếp sư phạm	2	2	0		
45	314 3 1438	Lý luận dạy học môn hóa học	3	3	0		
46	314 2 1542	Phân tích và phát triển chương trình hóa học nhà trường	2	2	0		
47	320 2 1355	Kiểm tra đánh giá trong giáo dục	2	2	0		
48	314 3 1570	Phương pháp dạy học môn hoá học	3	3	0	314 3 1438	



TT	Mã học phần	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ			Học phần h.trước/t.quyết	Khoa Giảng dạy
			TC	LT	TH		
49	314 3 1791	Thực hành dạy học (tập giảng tại trường sư phạm)	3	0	3		
50	314 2 1015	Bài tập hóa học ở trung học phổ thông	2	2	0		
51	314 2 1824	Thực hành thí nghiệm hoá học trung học phổ thông	2	0	2		
52	303 3 1845	Thực tập sư phạm 1	3	0	3		
53	303 3 1846	Thực tập sư phạm 2	3	0	3		
TỔNG SỐ TÍN CHỈ CỦA KHỐI			38	25	13		
HỌC PHẦN TỰ CHỌN							
54	314 2 1303	Hóa học các chất phân tán	2	2	0		
55	314 2 1308	Hoá học phân tích trong trường phổ thông	2	2	0	314 4 1315	
56	314 2 1313	Hóa lý trong trường phổ thông	2	2	0	314 4 1511	
57	314 2 1930	Ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy hóa học	2	1	1	312 2 1885	
58	314 2 1311	Hoá kỹ thuật	2	2	0		
59	314 2 1408	Lịch sử hóa học	2	2	0		
60	314 2 1314	Hóa nông học	2	2	0		
61	314 2 1053	Cấu trúc và phổ	2	2	0		
62	314 2 1322	Hợp chất màu hữu cơ	2	2	0	314 4 1324	
63	314 2 1910	Tổng hợp các chất vô cơ	2	2	0	314 4 1318	
64	314 2 1909	Tổng hợp các chất hữu cơ	2	2	0	314 2 1035	
65	314 3 1067	Chuyên đề khoa học tự nhiên	3	3	0		
66	314 2 1310	Hóa hữu cơ nâng cao trong trường Phổ thông	2	2	0	314 4 1324	
67	314 2 1319	Hóa vô cơ nâng cao trong trường Phổ thông	2	2	0	314 4 1318	
68	314 2 1162	Dạy học tích hợp liên môn trong trường Phổ thông	2	1	1		
69	303 6 1338	Khóa luận tốt nghiệp	6	0	6		
TỔNG SỐ TÍN CHỈ CỦA KHỐI			37	29	8		
TỔNG SỐ TÍN CHỈ TOÀN KHÓA			157				
Tổng số tín chỉ bắt buộc			120				
Tổng số tín chỉ tự chọn tối thiểu			15				

Ghi chú: - Không tính các học phần Giáo dục Thể chất, Giáo dục Quốc phòng và phân Ngoại ngữ đạt chuẩn đầu ra
- Học phần tiên quyết là Học phần có gắn dấu *

Điều kiện tốt nghiệp:

Phải tích lũy tối thiểu 135 tín chỉ, trong đó bao gồm tất cả các học phần bắt buộc

Đạt chuẩn đầu ra Tin học

Đạt chuẩn đầu ra Ngoại ngữ tương đương trình độ Bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam

TRƯỞNG KHOA

[Signature]
Lê Thị Hải

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. LƯU TRANG



KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO

HỆ : Chính quy tập trung

KHÓA 2018

NGÀNH ĐÀO TẠO : Sư phạm Hóa học (4 năm)

HỌC KỲ	Mã học phần	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ			Học phần h.trước/t.quyết	Ghi chú
			TC	LT	TH		
1	314 2 1085	Cơ sở lý thuyết hóa vô cơ	2	2	0		
	315 3 1678	Sinh học đại cương	3	3	0		
	311 2 1614	Phương trình vi phân - sai phân	2	2	0		
	311 3 1250	Giải tích thực và Đại số tuyến tính	3	3	0		
	313 2 1979	Vật lý đại cương 1	2	2	0		
	314 4 1299	Hóa đại cương	4	4	0		
	314 2 1797	Thực hành hóa đại cương	2	0	2		
	001 0 1265	Giáo dục thể chất 1	(1)	(0)	(1)		
Tổng số tín chỉ trong học kỳ :			18	16	2		
2	212 2 1512	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin (1)	2	2	0		
	312 2 1885	Tin học đại cương (Tin học CN1)	2	1	1		
	412 3 1858	Tiếng Anh A2.1	3	3	0		
	314 2 1084	Cơ sở lý thuyết hoá hữu cơ	2	2	0	314 4 1299	
	320 4 1719	Tâm lý học giáo dục	4	4	0		
	320 3 1255	Giáo dục học	3	3	0		
	313 3 1980	Vật lý đại cương 2	3	3	0		
	314 4 1318	Hóa vô cơ	4	4	0	314 4 1318	
		Học phần tự chọn					
	001 0 1266	Giáo dục thể chất 2	(1)	(0)	(1)		
3	002 0 1264	Giáo dục quốc phòng	(4t)	0	0		
	Tổng số tín chỉ trong học kỳ :			23	22	1	
	213 3 1513	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin (2)	3	3	0	212 2 1512	
	316 2 1549	Pháp luật đại cương	2	2	0	212 2 1512	
	412 4 1859	Tiếng Anh A2.2	4	4	0	412 3 1858*	
	314 2 1804	Thực hành hóa vô cơ	2	0	2		
	320 2 1820	Thực hành tâm lý giáo dục	2	0	2		
	314 2 1309	Hóa học tinh thể và phức chất	2	2	0	314 4 1299	
	314 4 1324	Hydrocarbon và dẫn xuất hydrocarbon	4	4	0	314 2 1804	
		Học phần tự chọn					
4	001 0 1267	Giáo dục thể chất 3	(1)	(0)	(1)		
	314 2 1408	Lịch sử hóa học	2	2	0		
	314 2 1314	Hóa nông học	2	2	0		
	Tổng số tín chỉ trong học kỳ :			23	19	4	
	213 2 1922	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0	213 3 1513	
	314 4 1511	Nhiệt và động hóa học	4	4	0	314 4 1299	
	314 2 1035	Các hợp chất tạp chức và cao phân tử	2	2	0	314 4 1324	
	314 2 1798	Thực hành hóa hữu cơ	2	0	2	314 4 1324	
	320 2 1273	Giao tiếp sư phạm	2	2	0		
	314 2 1869	Tiếng Anh chuyên ngành Hóa	2	2	0	412 4 1859	
5	314 2 1196	Điện hóa học	2	2	0	314 4 1299	
		Học phần tự chọn					
	001 0 1268	Giáo dục thể chất 4	(1)	(0)	(1)		
	314 2 1322	Hợp chất màu hữu cơ	2	2	0	314 4 1324	
	314 2 1910	Tổng hợp các chất vô cơ	2	2	0	314 4 1318	
	Tổng số tín chỉ trong học kỳ :			20	18	2	
	212 3 1225	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	3	0	213 2 1922	
	314 4 1315	Hóa phân tích	4	4	0	314 4 1299	
	314 2 1801	Thực hành hóa phân tích	2	0	2		

HỌC KỲ	Mã học phần	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ			Học phần h.trước/t.quyết	Ghi chú
			TC	LT	TH		
5	314 2 1799	Thực hành hóa lí	2	0	2	314 4 1511	
	314 3 1438	Lý luận dạy học môn hóa học	3	3	0		
	314 2 1595	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học giáo dục Hóa học	2	2	0		
		Học phần tự chọn					
	001 0 1269	Giáo dục thể chất 5	(1)	(0)	(1)		
	314 2 1303	Hóa học các chất phân tán	2	2	0		
	314 2 1909	Tổng hợp các chất hữu cơ	2	2	0	314 2 1035	
	314 2 1162	Dạy học tích hợp liên môn trong trường Phổ thông	2	1	1		
Tổng số tín chỉ trong học kỳ :			22	17	5		
6	314 3 1312	Hóa lượng tử	3	3	0	314 4 1299	
	314 3 1570	Phương pháp dạy học môn hoá học	3	3	0	314 3 1438	
	314 2 1040	Các phương pháp phân tích công cụ	2	2	0	314 4 1315	
	314 1 1808	Thực hành phân tích công cụ	1	0	1		
	314 2 1542	Phân tích và phát triển chương trình hóa học nhà trường	2	2	0		
	303 3 1845	Thực tập sư phạm 1	3	0	3		
	314 3 1791	Thực hành dạy học (tập giảng tại trường sư phạm)	3	0	3		
	314 2 1824	Thực hành thí nghiệm hoá học trung học phổ thông	2	0	2		
		Học phần tự chọn					
	314 2 1319	Hóa vô cơ nâng cao trong trường Phổ thông	2	2	0	314 4 1318	
	314 2 1313	Hóa lý trong trường phổ thông	2	2	0	314 4 1511	
Tổng số tín chỉ trong học kỳ :			23	14	9		
7	320 2 1641	Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục đào tạo	2	2	0		
	314 2 1015	Bài tập hóa học ở trung học phổ thông	2	2	0		
	320 2 1355	Kiểm tra đánh giá trong giáo dục	2	2	0		
	303 3 1846	Thực tập sư phạm 2	3	0	3		
		Học phần tự chọn					
	314 2 1310	Hóa hữu cơ nâng cao trong trường Phổ thông	2	2	0	314 4 1324	
	314 3 1067	Chuyên đề khoa học tự nhiên	3	3	0		
	314 2 1053	Cấu trúc và phổ	2	2	0		
	314 2 1930	Ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy hóa học	2	1	1	312 2 1885	
	314 2 1308	Hoá học phân tích trong trường phổ thông	2	2	0	314 4 1315	
Tổng số tín chỉ trong học kỳ :			20	16	4		
8		Học phần tự chọn					
	314 2 1311	Hoá kỹ thuật	2	2	0		
	303 6 1338	Khóa luận tốt nghiệp	6	0	6		
Tổng số tín chỉ trong học kỳ :			8	2	6		

Ghi chú:

- Không tính các học phần Giáo dục Thể chất, Giáo dục Quốc phòng và phần Ngoại ngữ đạt chuẩn đầu ra
- Học phần tiên quyết là Học phần có gắn dấu *

Điều kiện tốt nghiệp:

Phải tích lũy tối thiểu 135 tín chỉ, trong đó bao gồm tất cả các học phần bắt buộc

Đạt chuẩn đầu ra Tin học

Đạt chuẩn đầu ra Ngoại ngữ tương đương trình độ Bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam

TRƯỞNG KHOA

HIỆU TRƯỞNG

(Chữ ký)
Kê Tú Hải



PGS.TS. LƯU TRANG